

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1055/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K01-SN01/2025

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K01-SN01/2025 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 02/01 đến ngày 17/01/2025;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 08h00 Thứ 5 ngày 02/01/2025;

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (01 bản gốc) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **02/01/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa

học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.HTVL (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



GIÁM ĐỐC

Đặng Huy Hồng

DANH SÁCH GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K01-SN01/2025

(Kèm theo Công văn số 1055/TTLĐNN-TCLĐ ngày 27/12/2024 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	50306958	Vi Thị Hào	10/01/2004	Nữ	Bắc Giang	K01SN01-01
2	51104529	Vũ Thị Bích Ngọc	21/12/1990	Nữ	Bắc Giang	K01SN01-02
3	50304437	La Phúc Hoàng	18/11/2005	Nam	Bắc Kạn	K01SN01-03
4	51032521	Chu Thị Thu	24/08/1992	Nữ	Bắc Ninh	K01SN01-04
5	51032565	Ngô Thị Tố Uyên	28/08/1996	Nữ	Bắc Ninh	K01SN01-05
6	50309457	Lường Văn Dân	01/10/1999	Nam	Điện Biên	K01SN01-06
7	51103511	Nguyễn Thị Nguyệt	08/12/2001	Nữ	Điện Biên	K01SN01-07
8	50313282	Ngô Tuấn Dương	14/11/1991	Nam	Hà Nam	K01SN01-08
9	51100297	Nguyễn Thị Thanh	20/08/1989	Nữ	Hà Nội	K01SN01-09
10	50354246	Nguyễn Văn Hùng	14/12/1994	Nam	Hà Tĩnh	K01SN01-10
11	50354513	Dương Thanh Đức	03/03/1998	Nam	Hà Tĩnh	K01SN01-11
12	50355083	Nguyễn Đình Quang	05/11/2001	Nam	Hà Tĩnh	K01SN01-12
13	50302376	Bùi Hồng Quảng	17/12/1998	Nam	Hải Dương	K01SN01-13
14	50302238	Nguyễn Văn Duy	14/07/1996	Nam	Hải Dương	K01SN01-14
15	50302317	Nguyễn Việt Anh	14/08/1998	Nam	Hải Dương	K01SN01-15
16	50302442	Trần Văn Trung	11/02/2003	Nam	Hải Dương	K01SN01-16
17	50302447	Đỗ Quang Tập	30/04/1994	Nam	Hải Dương	K01SN01-17
18	50302528	Lê Anh Quốc	27/07/2004	Nam	Hải Dương	K01SN01-18
19	50302606	Trần Tuấn Anh	09/10/1994	Nam	Hải Dương	K01SN01-19
20	50302701	Nguyễn Quý Thân	10/02/1992	Nam	Hải Dương	K01SN01-20
21	50302708	Phạm Xuân Tài	27/05/1994	Nam	Hải Dương	K01SN01-21
22	50302728	Hoàng Bá Chính	20/06/1996	Nam	Hải Dương	K01SN01-22
23	50302746	Mai Văn Thật	28/08/1993	Nam	Hải Dương	K01SN01-23
24	50302943	Đào Hải Minh	16/10/2002	Nam	Hải Dương	K01SN01-24
25	50302005	Phạm Đức Quyền	28/04/2005	Nam	Hải Dương	K01SN01-25
26	50302028	Đào Đức Thành	08/03/1987	Nam	Hải Dương	K01SN01-26
27	50302038	Vũ Đức Đạt	12/11/2004	Nam	Hải Dương	K01SN01-27
28	50302044	Nguyễn Đức Huy	02/01/1999	Nam	Hải Dương	K01SN01-28
29	50302328	Nguyễn Đức Tuấn	15/04/1992	Nam	Hải Dương	K01SN01-29
30	50302337	Phạm Văn Chang	21/09/1992	Nam	Hải Dương	K01SN01-30
31	50302505	Vũ Văn Quang	03/04/2000	Nam	Hải Dương	K01SN01-31
32	50302508	Đoàn Hải Đức	20/08/1999	Nam	Hải Dương	K01SN01-32
33	50302919	Bùi Văn Huy	22/04/1995	Nam	Hải Dương	K01SN01-33
34	50302937	Đào Văn Hùng	14/01/2005	Nam	Hải Dương	K01SN01-34
35	50302031	Phạm Văn Huân	01/01/2001	Nam	Hải Dương	K01SN01-35
36	50302341	Trần Văn Bài	16/09/1995	Nam	Hải Dương	K01SN01-36
37	50302369	Lê Văn Thành	13/10/1989	Nam	Hải Dương	K01SN01-37
38	50302384	Nguyễn Thanh Tuấn	23/11/2001	Nam	Hải Dương	K01SN01-38
39	50301801	Đoàn Thanh Tùng	31/08/2002	Nam	Hải Phòng	K01SN01-39
40	50301551	Phan Văn Thuận	12/04/2000	Nam	Hải Phòng	K01SN01-40
41	50301881	Trần Mỹ Thành	26/10/2000	Nam	Hải Phòng	K01SN01-41
42	50309791	Bùi Văn Ba	29/01/1990	Nam	Hoà Bình	K01SN01-42



Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
43	50303260	Trần Quang Huy	21/02/2001	Nam	Hung Yên	K01SN01-43
44	51030954	Nguyễn Thị Thu	02/10/1990	Nữ	Hung Yên	K01SN01-44
45	50303296	Vũ Quốc Đạt	04/10/1994	Nam	Hung Yên	K01SN01-45
46	50303359	Vũ Duy Tiến	29/09/1995	Nam	Hung Yên	K01SN01-46
47	50303453	Đoàn Thế Đại	06/12/2002	Nam	Hung Yên	K01SN01-47
48	50303568	Trần Quang Khải	30/09/1996	Nam	Hung Yên	K01SN01-48
49	50303619	Nguyễn Văn Khải	15/02/1990	Nam	Hung Yên	K01SN01-49
50	50303265	Nguyễn Văn Thao	20/10/2001	Nam	Hung Yên	K01SN01-50
51	50303319	Đặng Thế Vinh	06/08/1993	Nam	Hung Yên	K01SN01-51
52	50303473	Hoàng Giáp Tuất	30/07/1994	Nam	Hung Yên	K01SN01-52
53	50303499	Thái Văn Thuận	10/04/2003	Nam	Hung Yên	K01SN01-53
54	50372771	Bùi Văn Nhiều	10/01/2001	Nam	Kiên Giang	K01SN01-54
55	50313119	Chu Văn Dương	05/01/1996	Nam	Lạng Sơn	K01SN01-55
56	50313152	Hoàng Phi Sơn	25/04/1990	Nam	Lạng Sơn	K01SN01-56
57	50304699	Nông Thị Bình	15/05/2003	Nữ	Lạng Sơn	K01SN01-57
58	50304203	Trần Xuân Lâm	16/07/1997	Nam	Lào Cai	K01SN01-58
59	50341071	Nguyễn Hữu Duẩn	30/10/1999	Nam	Nam Định	K01SN01-59
60	50310406	Nguyễn Tuấn Vũ	16/02/1991	Nam	Nam Định	K01SN01-60
61	50310095	Ngô Việt Hiền	12/07/2000	Nam	Nam Định	K01SN01-61
62	50310809	Đinh Văn Việt	16/01/1991	Nam	Nam Định	K01SN01-62
63	50310068	Nguyễn Đình Long	07/08/1993	Nam	Nam Định	K01SN01-63
64	50310070	Trần Văn Hòa	15/01/2004	Nam	Nam Định	K01SN01-64
65	50310154	Vũ Duy Trường	04/05/2004	Nam	Nam Định	K01SN01-65
66	50310204	Vũ Văn Tài	01/10/1998	Nam	Nam Định	K01SN01-66
67	50310235	Nguyễn Thanh Tùng	20/02/1994	Nam	Nam Định	K01SN01-67
68	50310467	Mai Văn Hưng	10/01/1993	Nam	Nam Định	K01SN01-68
69	50310567	Trần Văn Duy	05/10/1987	Nam	Nam Định	K01SN01-69
70	50310684	Trần Đức Thịnh	09/07/2002	Nam	Nam Định	K01SN01-70
71	50341092	Trần Quang Thắng	01/02/1993	Nam	Nam Định	K01SN01-71
72	50310049	Đỗ Mạnh Thủy	05/10/1993	Nam	Nam Định	K01SN01-72
73	50310077	Trần Văn Tiền	04/07/1998	Nam	Nam Định	K01SN01-73
74	50310092	Lương Sơn Phúc	04/04/2003	Nam	Nam Định	K01SN01-74
75	50310119	Phạm Văn Hưng	03/06/1992	Nam	Nam Định	K01SN01-75
76	50310176	Nguyễn Văn Dưỡng	05/02/1992	Nam	Nam Định	K01SN01-76
77	50310195	Phạm Văn Thế	21/01/2001	Nam	Nam Định	K01SN01-77
78	50310236	Trần Văn Huân	10/01/2002	Nam	Nam Định	K01SN01-78
79	50310330	Lê Quang Nghiệp	23/10/2004	Nam	Nam Định	K01SN01-79
80	50310514	Đoàn Văn Tuấn	22/07/2002	Nam	Nam Định	K01SN01-80
81	50310989	Nguyễn Thị Thúy Vân	24/03/2002	Nữ	Nam Định	K01SN01-81
82	51106988	Dương Thị Phương	30/03/1994	Nữ	Nghệ An	K01SN01-82
83	51106988	Dương Thị Phương	30/03/1994	Nữ	Nghệ An	K01SN01-83
84	51108261	Lê Thị Phương	09/04/2002	Nữ	Nghệ An	K01SN01-84
85	50533838	Vi Thanh Lân	11/02/1991	Nam	Nghệ An	K01SN01-85
86	50354106	Bạch Văn Đông	22/03/1995	Nam	Nghệ An	K01SN01-86

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
87	50353868	Nguyễn Bá Đồng	12/04/1995	Nam	Nghệ An	K01SN01-87
88	51102304	Hà Diệu Linh	13/08/2001	Nữ	Phú Thọ	K01SN01-88
89	51109759	Lê Thị Bích Quyến	25/12/1995	Nữ	Quảng Bình	K01SN01-89
90	90903354	Hoàng Thị Ka Ly	10/05/2003	Nữ	Quảng Bình	K01SN01-90
91	50356942	Nguyễn Thành Luật	24/10/2002	Nam	Quảng Bình	K01SN01-91
92	50308993	Đỗ Xuân Nghĩa	25/06/2003	Nam	Quảng Ninh	K01SN01-92
93	50309001	Lê Văn Quỳnh	21/06/2002	Nam	Quảng Ninh	K01SN01-93
94	50309113	Vũ Khắc Việt	16/09/2002	Nam	Quảng Ninh	K01SN01-94
95	50332988	Nguyễn Minh Chánh	23/08/1997	Nam	Quảng Ngãi	K01SN01-95
96	50372261	Hồ Thị Kiều My	22/01/2005	Nữ	Quảng Ngãi	K01SN01-96
97	50535727	Đinh Văn Kiệt	29/11/2003	Nam	Quảng Ngãi	K01SN01-97
98	50535740	Đinh Quốc Đạt	21/04/2004	Nam	Quảng Ngãi	K01SN01-98
99	50520083	Dương Thị Oanh	18/09/1993	Nữ	Quảng Trị	K01SN01-99
100	51101827	Đoàn Thị Thu Trang	09/12/1994	Nữ	Tuyên Quang	K01SN01-100
101	50305368	Ninh Thanh Tú	18/09/2002	Nam	Thái Nguyên	K01SN01-101
102	50305439	Đồng Quang Việt	12/07/2001	Nam	Thái Nguyên	K01SN01-102
103	50305622	Triệu Trung Hùng	28/10/1997	Nam	Thái Nguyên	K01SN01-103
104	50305632	Trần Duy Toàn	16/04/1991	Nam	Thái Nguyên	K01SN01-104
105	50305685	Âu Quốc Khánh	27/09/2002	Nam	Thái Nguyên	K01SN01-105
106	50313965	Phạm Văn Thảo	30/03/2001	Nam	Thái Nguyên	K01SN01-106
107	50352765	Vũ Bá Sang	13/07/1993	Nam	Thanh Hóa	K01SN01-107
108	50353079	Viên Trịnh Tư	30/04/1994	Nam	Thanh Hóa	K01SN01-108
109	50306710	Tô Hoàng Việt	23/10/1990	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-109
110	50306595	Lưu Minh Hiếu	26/06/2002	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-110
111	50306644	Trần Đức Mạnh	20/08/2004	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-111
112	50306685	Nguyễn Văn Cương	01/05/2002	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-112
113	50306853	Nguyễn Khánh Tùng	20/08/2001	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-113
114	50306885	Vũ Đức Thắng	03/03/2003	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-114
115	50306558	Lương Văn Mạnh	05/09/2003	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-115
116	50306617	Hán Đức Cương	26/02/2002	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-116
117	50306745	Trần Ngọc Quyết	19/09/2004	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-117
118	50306883	Phạm Ngọc Mạnh	07/08/2001	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-118
119	50306943	Vũ Văn Võ	16/04/2002	Nam	Vĩnh Phúc	K01SN01-119
120	50305281	Thào A Di	04/10/2005	Nam	Yên Bái	K01SN01-120

